

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Của CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG NGHE NHÌN HÀ NỘI
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo Kiểm toán độc lập	5 – 6
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 – 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần truyền thông nghe nhìn Hà Nội trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Truyền thông nghe nhìn Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH MTV Nghe nhìn Hà Nội được thành lập theo quyết định của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100109635 đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 03 vào ngày 27 tháng 06 năm 2016.

Ngành nghề kinh doanh của công ty gồm

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu
Chi tiết: Tư vấn, thiết kế, xây dựng, chuyển giao công nghệ kỹ thuật thuộc lĩnh vực nghe nhìn, viễn thông và phát thanh truyền hình (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
Chi tiết: tổ chức các sự kiện truyền hình và biểu diễn các loại hình nghệ thuật (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)
- Đại lý, môi giới, đấu giá
Chi tiết: Đại lý bán buôn, bán lẻ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị
Chi tiết: Dịch vụ kỹ thuật thuộc lĩnh vực nghe nhìn – viễn thông – phát thanh truyền hình;
- Quảng cáo
Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo trên sóng phát thanh truyền hình, trên báo chí, biển hiệu, pano, áp phích;
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn thiết bị và kinh kiện điện tử viễn thông
Chi tiết:
 - + Bán buôn thiết bị thuộc lĩnh vực nghe nhìn, viễn thông, phát thanh truyền hình, các thể loại phim;
 - + Kinh doanh thiết bị thuộc lĩnh vực nghe nhìn, viễn thông, phát thanh truyền hình, các thể loại phim;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu
Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình
Chi tiết:
 - + Sản xuất các sản phẩm thuộc lĩnh vực văn hóa;

tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 21 tháng 06 năm 2018

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Phùng Bá Tuấn



Số : 241/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
của Công ty Cổ phần Truyền thông nghe nhìn Hà Nội*

Kính gửi:

**Quý cổ đông
Hội đồng Quản trị
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Truyền thông nghe nhìn Hà Nội**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán TTP đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần truyền thông nghe nhìn Hà Nội được lập ngày 21/06/2018 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày từ trang 07 đến trang 39 kèm theo

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi đã gửi thư đối chiếu xác nhận số dư các khoản công nợ phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2017. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành Báo cáo này chúng tôi vẫn chưa nhận được đầy đủ các biên bản xác nhận công nợ trên. Mặt khác, các hồ sơ tài liệu liên quan đến các khoản công nợ chưa nhận được đầy đủ đối chiếu công ty không còn lưu giữ do vậy chúng tôi không thể xác định tính có thật cũng như khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

- Tại thời điểm 31/12/2017 tổng số nợ phải thu không có khả năng thu hồi theo thuyết minh V.02; V.03 và V.04 số tiền là 6.042.944.493 VND. Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi dẫn đến khoản mục "Phải thu ngắn hạn" (Mã số 130) trên Bảng cân đối kế toán đang được phản ánh theo giá gốc là 11.031.709.424 VND thay vì phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc ghi nhận như vậy là không tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam. Các tài liệu tại Công ty cho thấy, nếu phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được thì khoản mục "Phải thu ngắn hạn" trên Bảng cân đối kế toán sẽ giảm đi 6.042.944.493 VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả kinh doanh, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" sẽ tăng lên 6.042.944.493 VND, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế" sẽ giảm đi tương ứng là 6.042.944.493 VND.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Truyền thông Nghe nhìn Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh V.04 trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó thể hiện khoản phải thu thực tế là tiền chi quỹ khen thưởng phúc lợi không chi tiết được đối tượng số tiền 3.635.672.654 VND trong khi quỹ không được trích lập. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Truyền thông nghe nhìn Hà Nội chưa được kiểm toán.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Chi Thành

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán
số 0647-2018-133-1*

Hà Nội, ngày 21 tháng 06 năm 2018

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Nam Hải

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán
số 4003-2017-133-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		13.752.078.436	24.924.703.070
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	2.543.557.000	13.344.442.451
1. Tiền	111		2.543.557.000	13.344.442.451
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.031.709.424	10.926.999.948
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	3.456.585.886	3.229.655.886
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	2.643.982.051	2.643.982.051
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	4.855.044.726	4.977.265.250
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		76.096.761	76.096.761
IV. Hàng tồn kho	140		-	283.017.535
1. Hàng tồn kho	141		-	283.017.535
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		176.812.012	370.243.136
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05	21.032.199	30.734.288
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	60.415.623
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	155.779.813	279.093.225
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.637.547.797	5.991.726.410



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		5.335.532.866	5.836.929.725
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	5.335.532.866	5.836.929.725
- Nguyên giá	222		8.748.933.158	8.748.933.158
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(3.413.400.292)	(2.912.003.433)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	-	-
- Nguyên giá	228		42.818.500	42.818.500
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(42.818.500)	(42.818.500)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		302.014.931	154.796.685
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.05	302.014.931	154.796.685
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		19.389.626.233	30.916.429.480

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.622.962.523	16.786.284.366
I. Nợ ngắn hạn	310		2.412.532.523	6.631.854.366
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	1.188.991.551	852.130.884
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.09	75.450.000	468.885.924
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	17.973.875	15.675.084
4. Phải trả người lao động	314		199.127.371	159.028.136
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	407.787.761	1.536.900.206
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác *	319	V.12	523.201.965	3.599.234.132
10. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320	V.14	-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.210.430.000	10.154.430.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.12	210.430.000	154.430.000
8. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338	V.13	3.000.000.000	10.000.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		13.766.663.710	14.130.145.114
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	13.766.663.710	14.130.145.114
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.435.251.245	8.435.251.245
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.668.587.535)	(4.305.106.131)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(4.305.106.131)	826.517.186
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(363.481.404)	(5.131.623.317)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		19.389.626.233	30.916.429.480

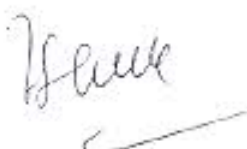
Hà Nội, ngày 21 tháng 06 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Bích Hương

Kế toán trưởng



Vũ Thị Huyền

Tổng Giám Đốc



Phùng Bá Tuấn

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	5.913.777.814	4.041.535.085
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		5.913.777.814	4.041.535.085
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.527.560.639	1.733.286.158
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3.386.217.175	2.308.248.927
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.850.389	469.751.280
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	283.583.548	701.006.564
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		283.541.667	700.928.186
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	161.692.813	45.646.182
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	4.759.810.473	3.934.594.734
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		(1.808.019.270)	(1.903.247.273)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.445.567.460	687.000.000
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.029.594	3.915.376.044
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.444.537.866	(3.228.376.044)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(363.481.404)	(5.131.623.317)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(363.481.404)	(5.131.623.317)

Hà Nội, ngày 21 tháng 06 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc





Nguyễn Bích Hương

Vũ Thị Huyền

Phùng Bá Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp trực tiếp
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	6.491.388.000	5.381.963.258
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(3.015.514.426)	(6.086.291.177)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.592.127.012)	(1.465.120.740)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(283.583.548)	(537.513.356)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	464.149.358	40.282.020.750
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.876.006.331)	(31.360.457.601)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.811.693.959)	6.214.601.134
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.146.661.635)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.850.389	469.751.280
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	10.850.389	(1.676.910.355)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		15.200.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.000.000.000)	(7.491.158.866)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.000.000.000)	7.708.841.134
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(10.800.843.570)	12.246.531.913
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	13.344.442.451	1.097.988.916
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(41.881)	(78.378)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.543.557.000	13.344.442.451

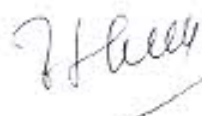
Hà Nội, ngày 21 tháng 06 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Bích Hương

Kế toán trưởng



Vũ Thị Huyền



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Truyền thông nghe nhìn Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH MTV Nghe nhìn Hà Nội được thành lập theo quyết định của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100109635 đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 03 vào ngày 27 tháng 06 năm 2016.

Ngành nghề kinh doanh của công ty gồm

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Tư vấn, thiết kế, xây dựng, chuyển giao công nghệ kỹ thuật thuộc lĩnh vực nghe nhìn, viễn thông và phát thanh truyền hình (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiếp thương mại
Chi tiết: tổ chức các sự kiện truyền hình và biểu diễn các loại hình nghệ thuật (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)
- Đại lý, môi giới, đấu giá
Chi tiết: Đại lý bán buôn, bán lẻ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị
Chi tiết: Dịch vụ kỹ thuật thuộc lĩnh vực nghe nhìn – viễn thông – phát thanh truyền hình;
- Quảng cáo
Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo trên sóng phát thanh truyền hình, trên báo chí, biển hiệu, pano, áp phích;
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn thiết bị và kinh kiện điện tử viễn thông
Chi tiết:
 - + Bán buôn thiết bị thuộc lĩnh vực nghe nhìn, viễn thông, phát thanh truyền hình, các thể loại phim;
 - + Kinh doanh thiết bị thuộc lĩnh vực nghe nhìn, viễn thông, phát thanh truyền hình, các thể loại phim;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình
Chi tiết: + Sản xuất các sản phẩm thuộc lĩnh vực văn hóa;

